



BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ TRONG XU THẾ GIAO LƯU HỘI NHẬP, BÀI HỌC NHÌN TỪ MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU Á

T.S. NGUYỄN TOÀN THẮNG*

1. Di sản văn hoá - tài sản văn hoá vô giá của dân tộc

Di sản văn hóa là hệ giá trị cơ bản và trọng yếu, bền vững theo thời gian trong văn hóa của mỗi dân tộc. Di sản văn hoá là nơi lưu trữ kiên cố bản sắc dân tộc, đồng thời là cơ sở tiền đề quan trọng để sáng tạo những giá trị văn hoá mới của xã hội hiện đại. Hiện nay, quá trình toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, giao lưu văn hoá sôi động, phức tạp, đa chiều trên phạm vi toàn thế giới đang đặt ra nhiều cơ hội cũng như thách thức cho nhân loại, đòi hỏi các quốc gia phải xử lý một cách hài hoà mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống với quá trình tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội. Theo quan niệm của UNESCO, di sản văn hóa bao gồm hai loại:

- Thứ nhất, di sản “văn hóa vật thể” (tangible culture) là những sản phẩm văn hóa hữu hình, tồn tại dưới dạng vật thể có hình khối, có chiều cao, chiều rộng, trọng lượng, đường nét, màu sắc và kiểu dáng..., tồn tại trong không gian và thời gian xác định. Di sản văn hóa vật thể được tạo tác từ bàn tay khéo léo của con người, để lại dấu ấn lịch sử xã hội rõ rệt. Văn hóa vật thể được khách thể hóa và tồn tại như một thực thể ngoài bản thân con người. Di sản văn hóa vật

thể luôn chịu sự thách thức bào mòn của quy luật thời gian trong những tác động, chi phối của con người. Di sản văn hóa vật thể luôn đứng trước nguy cơ biến dạng hoặc thay đổi rất nhiều so với nguyên gốc. Hiện nay, vấn đề bảo tồn di sản văn hóa vật thể đang gặp rất nhiều khó khăn, đòi hỏi phải có công nghệ kỹ thuật cao mới có thể bảo tồn hoặc phục nguyên như cũ.

- Thứ hai, di sản “văn hóa phi vật thể” (intangible culture) là dạng thức tồn tại của văn hóa tiềm ẩn trong trí nhớ, ký ức cộng đồng, tập tính, hành vi ứng xử của con người và thông qua các hoạt động của con người trong sản xuất, giao tiếp xã hội mà thể hiện ra. Từ đó, người ta có thể nhận biết được sự tồn tại của văn hoá. Đặc trưng rõ nhất của văn hóa phi vật thể là, nó luôn chìm khuất trong tâm thức của một cộng đồng xã hội và chỉ bộc lộ ra qua hành vi và hoạt động của con người. Văn hóa phi vật thể được lưu giữ trong thế giới tinh thần và được bộc lộ sinh động thông qua các hình thức diễn xướng trong tư cách một hiện tượng văn hóa. Việt Nam là một trong những quốc gia tiên phong trong việc phê chuẩn *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể năm 2003* của UNESCO và là thành viên của Ủy ban Liên Chính phủ tham gia xây dựng phương hướng hoạt động và các chính sách quốc tế có liên quan đến Công ước này.

Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc là những quốc gia có nhiều nét tương đồng trong tiến trình lịch sử - văn hoá phương Đông.

* Viện Văn hoá và phát triển,
Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia
Hồ Chí Minh

Đó là xứ sở của nền văn minh nông nghiệp, văn hoá lúa nước, với đặc điểm của phương thức sản xuất châu Á, được hình thành sau nhiều ngàn năm phát triển trong các tương quan lịch sử đa dạng và phức tạp.

Trải qua hàng ngàn năm, Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc đều có mối quan hệ sâu sắc với văn hoá Trung Hoa, trở thành các nước “đồng văn”, “trọng văn”, “chuộng văn” với tinh thần “văn quan trị quốc” của xã hội phong kiến với dòng chảy tư tưởng Nho, Phật, Lão “định vị” trong không gian văn hoá phương Đông. Tuy nhiên, trước những biến động lịch sử, khi tiếp xúc với văn minh phương Tây, mỗi nước lại có những hoàn cảnh riêng, lựa chọn những giải pháp và cách ứng xử khác nhau đối với di sản văn hoá dân tộc để giao lưu, hội nhập và phát triển.

Trải qua những thăng trầm của thế kỷ XX, bước sang thế kỷ XXI, cục diện thế giới đã có nhiều thay đổi, văn hoá các dân tộc có sự gần gũi hơn trong quỹ đạo vận động của lịch sử văn hoá nhân loại, hướng tới quá trình toàn cầu hoá. Tại châu Á, con đường phát triển của Nhật Bản là một trường hợp tiêu biểu trong hành trình vận động của phương Đông, gắn với mối quan hệ đa dạng với phương Tây. Trên thực tế, mô hình bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc của Nhật Bản qua hơn một thế kỷ mở cửa với phương Tây, đã đặt ra nhiều bài học kinh nghiệm mà các quốc gia “đồng văn” ở châu Á có thể nhận diện để tham khảo.

Nhìn lại quá khứ, vào thời Minh Trị Thiên Hoàng, khi bắt đầu xuất hiện tư tưởng duy tân, tiến hành mở cửa với phương Tây, Nhật Bản vẫn là một quốc gia lạc hậu hàng thế kỷ so với các nước đã công nghiệp hoá. Với điều kiện như vậy, người Nhật đã tìm mọi cách huy động hết tiềm năng sức mạnh dân tộc để chấn hưng đất nước ra khỏi nghèo nàn. Những giá trị văn hoá truyền thống đã trở thành lực cổ kết sức mạnh của toàn dân tộc cho mục tiêu hiện đại hoá đất nước. Di sản văn hoá đã được người Nhật quan niệm và đối xử như một tài sản đặc biệt quan trọng - tài sản văn hoá. Trong thời kỳ ban đầu mới tiếp xúc với phương Tây, những thành tựu của văn minh công nghiệp đã hấp dẫn người Nhật. Khuynh hướng “Tây hoá” ồ ạt đã làm cho không ít thành tựu văn hoá truyền thống Nhật Bản bị lu mờ và thất truyền. Cũng trong giai đoạn này, Nhật Bản đã phá huỷ nhiều công trình kiến trúc lịch sử và chùa chiền liên quan đến

Phật giáo và nghệ thuật truyền thống. Hiện tượng này chấm dứt khi đạo luật về bảo tồn di sản văn hoá ra đời (năm 1897). Kể từ đây “các yếu tố bản địa được phục hồi với tất cả vẻ đẹp độc đáo của nó trong một định hướng giá trị mới, biểu tượng cho tinh hoa dân tộc”¹.

Đối với Nhật Bản, quan niệm di sản văn hoá là tài sản văn hoá không chỉ dừng lại ở nhận thức mà nó được cụ thể hoá trong những đạo luật, chính sách văn hoá, nổi bật nhất là *Bộ luật bảo tồn các tài sản văn hoá*, được ban hành vào những năm 80 của thế kỷ trước. Bộ luật này ra đời nhằm thực hiện bảo tồn di sản văn hoá trên cơ sở xác lập quyền sở hữu và bảo trợ của nhà nước. Trong Bộ luật quy định rõ: mọi tài sản văn hoá đều thuộc quyền sở hữu của các công dân, các cơ quan sự vụ, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ. Quyền sở hữu của chủ sở hữu đối với tài sản văn hoá bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt. Việc công nhận quyền của các chủ sở hữu được đảm bảo bằng một “Giấy chứng nhận” do Bộ trưởng Bộ Giáo dục cấp. Bộ luật cũng quy định cụ thể: chính phủ và các cấp chính quyền địa phương phải tôn trọng quyền của các chủ sở hữu và quyền sở hữu của những người hữu quan.

Như vậy, từ một khái niệm triết học (di sản văn hoá), các vật thể mang những giá trị văn hoá được gọi là tài sản văn hoá (thuật ngữ luật học), có thể sở hữu, định đoạt. Khi di sản văn hoá được công nhận là tài sản văn hoá sẽ tạo nên chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động, nhằm bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá. Bởi vì, việc bảo tồn và khai thác tài sản văn hoá chỉ có thực hiện tốt khi nó thuộc quyền sở hữu của một chủ thể cụ thể nào đó. Nếu chưa được pháp luật công nhận, các di sản đó luôn phải đứng trước nguy cơ bị thất thoát, mai một, làm tổn hại đến vốn tài sản văn hoá dân tộc. Hiện tượng này đã xảy ra phổ biến ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Không những được coi là tài sản văn hoá, di sản văn hoá còn được xác định là một thứ văn hoá đặc biệt, thuộc về những chủ sở hữu cụ thể nhưng giá trị của nó luôn là tài sản quốc gia. Khoản 2, Điều 4, của Bộ luật quy định: các chủ sở hữu tài sản văn hoá cùng những người hữu quan sẽ chịu trách nhiệm bảo quản chúng một cách tốt nhất và khai thác các giá trị văn hoá của chúng với một ý thức đầy đủ rằng: đó là những tài sản quý báu của quốc gia”².



Nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình bảo trợ thực hiện quyền sở hữu các tài sản văn hoá. Chính phủ Nhật Bản nghiêm cấm việc bán các tài sản văn hoá ra nước ngoài dưới mọi hình thức. Nhà nước bỏ tiền mua lại các tài sản văn hoá quan trọng, trợ cấp một phần kinh phí và phương tiện kỹ thuật cho việc bảo tồn tài sản văn hoá thuộc tư nhân đối với các tài sản hữu hình. Nhà nước nắm giữ vai trò điều tiết hoạt động bảo tồn và khai thác tài sản văn hoá trong tổng thể các hoạt động chung của toàn xã hội. Do đó, các di sản văn hoá hữu hình được giữ gìn trong các dự án phát triển. Việc đảm bảo giữ nguyên cảnh quan, trong đó di sản văn hoá được bảo vệ chỉ có thể tiến hành một cách hiệu quả dưới sự quản lý của nhà nước, với vốn kinh phí đầu tư thích đáng, với sự hợp tác của các ngành, các tổ chức liên quan. Qua đó, các hoạt động bảo tồn văn hoá được tiến hành dưới một hành lang pháp lý. Hệ thống di sản văn hoá ở Nhật Bản được kiểm kê và bảo tồn hiệu quả, tránh được mọi mất mát, thất thoát và hư hại từ phía thiên nhiên và con người.

Ở Việt Nam, trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhiều ngôi nhà cổ, công trình kiến trúc, di sản văn hoá có nguy cơ bị thay thế bằng những ngôi nhà cao tầng, đường cao tốc chạy dài hay những cây cầu... trong các dự án phát triển. Vấn đề đặt ra cần là, tìm giải pháp hài hòa, cân đối giữa bảo tồn văn hoá và phát triển kinh tế, khai thác giá trị di sản văn hoá như nguồn tài nguyên quý giá phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Kinh nghiệm của Nhật Bản về vai trò chủ đạo của nhà nước trong công tác bảo tồn và khai thác các di sản văn hoá là một bài học quý cho Việt Nam trong quá trình phát triển hiện nay.

Một bài học kinh nghiệm nữa của Nhật Bản trong việc bảo tồn, khai thác các di sản văn hoá là nước này đã có một bộ máy hành chính có tính chuyên biệt và thống nhất cao, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai, chỉ đạo và giám định thi hành pháp luật. Cục Văn hoá Nhật Bản là cơ quan duy nhất có chức năng pháp lý điều hành các hoạt động này từ Trung ương đến địa phương. Cơ quan này có chức năng “đẩy mạnh và phổ biến văn hoá, bảo tồn và sử dụng các tài sản văn hoá, cũng như thực hiện việc quản lý nhà nước liên quan đến tôn giáo với sự cộng tác của các cơ quan chính phủ hữu quan”³. Người đứng đầu Cục Văn hoá Nhật Bản có quyền tiến hành hoặc đình chỉ mọi hoạt động bảo tồn và

khai thác di sản văn hoá trong trường hợp cần thiết, theo quy định của pháp luật. Nếu chính quyền địa phương các cấp đứng ra tiến hành hoạt động bảo tồn và khai thác di sản văn hoá, phải được uỷ quyền của Cục Văn hoá. Ngân sách cho những hoạt động của Cục Văn hoá cũng không ngừng tăng theo các năm. Như vậy, với cách thức tổ chức như Cục Văn hoá và ngân sách dồi dào đã giúp cho bộ máy điều hành triển khai các hoạt động bảo tồn và khai thác văn hoá một cách hiệu quả.

Ở Việt Nam, mặc dù đã có *Luật di sản văn hoá*, nhưng trên thực tế, nhiều vấn đề “nóng” như lấn chiếm di tích, trộm cắp cổ vật, làm biến dạng di tích hay thiếu một quy hoạch tổng thể để bảo tồn vẫn là những vấn đề nan giải mà nhiều năm qua chưa tìm được lời giải thích đáng. Những bài học của Nhật Bản trên đây có thể là kinh nghiệm thiết thực giải quyết những vấn đề còn tồn tại trong công tác bảo tồn di sản văn hoá ở nước ta hiện nay.

2. Khai thác các giá trị của văn hoá truyền thống trên cơ sở đảm bảo gắn kết với đời sống hiện đại

Bảo tồn di sản văn hoá không chỉ là hoạt động cất giữ, bảo vệ cho khỏi thất lạc, mai một tài sản, nhằm mục đích giữ gìn bản sắc dân tộc hoặc tự tôn vinh dân tộc. Vấn đề là phải tìm ra sự gắn kết giữa giá trị của di sản văn hoá truyền thống với các giá trị văn hoá hiện đại. Bài học kinh nghiệm của “những con rồng châu Á” (các nước phát triển châu Á) ở đây là chủ trương bảo tồn để phát triển. Bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống còn cần phải làm cho di sản văn hoá sống lại, làm cho các giá trị đó tồn tại trong đời sống xã hội hiện đại, phải năng động hoá các hình thức tồn tại của di sản văn hoá trên cơ sở thu hút sự quan tâm của các tầng lớp xã hội, nhờ đó mà các giá trị được vận hành, thâm nhập vào cuộc sống đương đại. Vừa qua, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc đã có nhiều thành công trong bảo tồn và phát huy di sản văn hoá. Bằng chứng là, các nước này đã phát huy được tác dụng giáo dục của văn hoá truyền thống hướng tới mục tiêu phát triển. Từ đó làm cho sức mạnh văn hoá truyền thống thêm cao quý, thiêng liêng. Tại Hàn Quốc, người ta đem những tên địa danh truyền thống gắn vào những khu dân cư hiện đại, cũng là một cách nhắc nhở về quá khứ. Những giá trị của di sản văn hoá thấm sâu vào tâm khảm từng con người và toàn thể cộng



đồng, trở thành động lực cho các quốc gia này phát triển.

Trong nhiều thập kỷ, Nhật Bản tiến hành rộng rãi sự hợp tác giữa chính phủ và các tổ chức phi chính phủ, giữa trung ương và địa phương, giữa bộ máy hành chính nhà nước và nhân dân và giữa các thiết chế văn hoá hữu quan. Sự hợp tác với các tổ chức phi chính phủ (chủ yếu là tư nhân) làm tăng mạnh mẽ nguồn kinh phí cho các hoạt động khai thác di sản văn hoá. Các công ty tư nhân tăng lượng đầu tư cho lĩnh vực văn hoá để qua đó quảng bá danh tiếng và hiệu quả thương hiệu trên phạm vi toàn cầu. Nhà nước cũng khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư bằng việc áp dụng chính sách miễn giảm thuế cho các công ty có hoạt động này.

Cùng với việc hợp tác như trên, quá trình khai thác văn hoá truyền thống còn được mở rộng trên cơ sở hợp tác chặt chẽ giữa khu vực trung ương và địa phương, giữa nhân dân và các cơ quan nhà nước. Tại các địa phương, các văn phòng hỗ trợ văn hoá vùng của chính phủ có chức năng phổ biến và đưa giá trị văn hoá thâm nhập vào cộng đồng nhân dân địa phương. Qua việc tổ chức các chương trình liên hoan văn hoá toàn quốc, lập các bảo tàng, hiện đại hoá các phương tiện thông tin đại chúng. Các tài sản văn hoá địa phương được “tái sinh” khẳng định giá trị của mình ngay trong đời sống hiện đại. Các hoạt động trên cũng đồng thời thu hút sự tham gia của đông đảo nhân dân, đặc biệt là giới trẻ, thông qua đó giúp họ tiếp nhận một cách tích cực, chủ động đối với các giá trị văn hoá truyền thống.

Tại Nhật Bản, trong nhiều trường hợp, vai trò chủ thể tiến hành khai thác tài sản văn hoá chuyển từ cơ quan nhà nước sang nhân dân. Sự hợp tác rộng rãi của các lực lượng toàn xã hội trong hoạt động khai thác tài sản văn hoá đã làm tăng lên mạnh mẽ sức sống của những giá trị truyền thống. Với các hình thức tồn tại khác nhau, được khai thác từ những mối quan tâm khác nhau, các tài sản văn hoá từ truyền thống hoá thân vào ngay trong hiện tại, trở thành một bộ phận quan trọng và gắn gũi với đời sống cộng đồng ngày nay.

Ở Trung Quốc, bên cạnh việc hoàn thiện pháp chế về bảo vệ các di sản văn hoá lịch sử, thực hiện phân cấp bảo vệ văn vật, nhà nước yêu cầu các cấp chính quyền đưa việc bảo vệ văn vật vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

của địa phương, vào quy hoạch xây dựng thành thị và nông thôn, vào ngân sách, vào cải cách thể chế... Đồng thời, chính phủ Trung Quốc cũng nhấn mạnh nghĩa vụ bảo vệ của cộng đồng, huy động lực lượng của toàn xã hội tham gia công tác bảo vệ văn vật.

Trong quá trình đẩy mạnh hội nhập thế giới, Trung Quốc đặc biệt chú trọng thúc đẩy việc bảo vệ di sản văn hóa thông qua giáo dục cộng đồng. Đề cương về chương trình: “Mỗi người đều có trách nhiệm bảo vệ di sản văn hóa của đất nước” do Bộ Văn hóa và Cục Văn vật đã công bố từ năm 1989, được quán triệt và thực hiện trong cả nước. Các viện bảo tàng, nhà tưởng niệm và các cơ quan bảo vệ di sản văn hóa đã mở cửa đón công chúng và cung cấp nhiều chương trình về bảo vệ di sản văn hóa. Các phương tiện thông tin đại chúng thường xuyên đề cập nhiều tới tầm quan trọng và giá trị lịch sử, thẩm mỹ và khoa học của di sản văn hóa Trung Quốc. Nhiều tờ báo lớn đã có chuyên mục về *Luật bảo vệ di sản văn hóa*. Năm 1989, tại Trung Quốc, lý thuyết “Cục diện đa nguyên nhất thể của dân tộc Trung Hoa” được công bố và phát huy ảnh hưởng to lớn trên phạm vi toàn quốc, nhằm tôn trọng và bảo vệ di sản văn hoá của dân tộc Hán và 55 dân tộc thiểu số⁴. Chính phủ Trung Quốc đã xác định: những tài sản văn hoá là do nhân dân tạo nên, chỉ khi nào bản thân tài sản ấy được nhân dân nhận thức đúng đắn, khi ấy nó mới có những giá trị đích thực.

Đặc biệt, từ sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, công tác bảo tồn, phát huy và quảng bá di sản văn hoá dân tộc của nước này càng được coi trọng. Trong Báo cáo Chính trị của Đại hội 17, Tổng bí thư Hồ Cẩm Đào đã khẳng định: Trung Quốc sẽ đẩy mạnh bảo tồn văn hoá trong quá trình xây dựng một xã hội thịnh vượng hài hoà trên tất cả các lĩnh vực. Có thể nói, đây là lần đầu tiên, vấn đề bảo tồn văn hoá được đưa vào một văn kiện chính trị quan trọng của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Chính phủ sẽ thúc đẩy bảo tồn văn hoá bằng cách tạo ra cấu trúc các ngành công nghiệp, cách thức tăng trưởng và phương thức tiêu dùng đặt cơ sở trên hiệu quả về năng lượng và tài nguyên, thân thiện với môi trường.

3. Bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc gắn bó chặt chẽ song hành với mở rộng văn hoá ra thế giới

Hiện đại hoá trong một chừng mực hợp lý đã trở thành tiền đề quan trọng cho việc bảo tồn và

phát huy các giá trị văn hoá truyền thống ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... Đây là hoạt động không dễ dàng, bởi hiện đại hoá có thể sẽ làm lu mờ các giá trị xưa cũ, tuy nhiên các quốc gia nói trên đã gạt hái những thành công đáng kể. Thông qua việc mở cửa với thế giới, các nước này đã “khai mở những tiềm năng giá trị truyền thống mà trước đó vẫn còn bị khép kín trong biên giới hạn hẹp của quốc gia và khu vực, trong sự độc tôn và đơn dạng về văn hoá”⁵. Tất nhiên, “mở cửa” sẽ đem theo cả những tác động không thuận chiều đối với bảo tồn văn hoá truyền thống, nhưng không vì thế mà né tránh mà chấp nhận nó như một tiền đề thực tiễn khách quan. Từ chỗ mở cửa tiếp nhận các giá trị văn hoá từ các nền văn hoá khác, ngày nay các quốc gia này chủ trương bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của mình bằng cách tăng cường truyền bá các giá trị văn hoá đó ra toàn thế giới, trở thành tài sản văn hoá chung của toàn nhân loại. Tại Trung Quốc, người ta đã chú trọng mở rộng ảnh hưởng văn hóa dân tộc ra các nước xung quanh và trên phạm vi thế giới mà châu Phi là một ví dụ điển hình. Trung Quốc đã ký với các nước châu Phi các hiệp định văn hóa và dự án văn hóa. Trung Quốc cũng tổ chức hoạt động “thực hành văn hóa Trung Quốc ở châu Phi”, cử nhiều đoàn nghệ thuật và nghệ nhân biểu diễn lần lượt ở các nước châu Phi, những hoạt động này đã nâng cao sức hấp dẫn về văn hóa của Trung Quốc ở châu Phi.

Trong những năm gần đây, chính phủ Nhật Bản đã thực hiện mạnh mẽ chính sách trao đổi văn hoá, từ đó khuyến khích ảnh hưởng của văn hoá Nhật ra thế giới. Nhật Bản đã gửi các nhà văn hoá, các nghệ sĩ của mình sang phương Tây để học hỏi trào lưu mới và tìm những nguồn cảm hứng mới. Mục tiêu chính của việc trao đổi văn hoá của Nhật Bản với phương Tây là nâng cao chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế của các hoạt động nghệ thuật Nhật Bản nhằm đạt được sự thừa nhận trong cộng đồng quốc tế. Nhật Bản còn gửi các nghệ sĩ Kabuki và kịch Noh ra nước ngoài học tập, giới thiệu quảng bá võ thuật Nhật Bản ra nước ngoài. Nhật Bản đã nỗ lực truyền bá các hoạt động nghệ thuật truyền thống của mình trên phạm vi toàn cầu, đầu tư nhiều tiền của cho nỗ lực đẩy mạnh các mối quan hệ trao đổi, hợp tác quốc tế về văn hoá, thực hiện các triển lãm tài sản văn hoá Nhật Bản tại nhiều nước trên thế giới, tổ chức các liên

hoan mời các đoàn nghệ thuật dân gian từ các nước khác đến biểu diễn cùng với các nhóm nhạc dân gian Nhật Bản. Qua đó, những giá trị văn hoá truyền thống của Nhật Bản được truyền bá rộng rãi, trở thành tài sản chung của văn hoá nhân loại.

Trong các nước châu Á phát triển, có lẽ Nhật Bản là nước đã thành công nhất trong việc quảng bá hình ảnh văn hóa mang tính thương hiệu, mà mỗi khi các hình ảnh đó xuất hiện, lập tức khiến người ta nghĩ ngay đến nền văn hóa Nhật. Các biểu tượng mang tính truyền thống như hoa anh đào, trà đạo, núi Phú Sĩ, các môn võ thuật Sumo, Judo, Karate, Kendo... gắn với các chương trình giáo dục xã hội, văn hoá nghệ thuật, phim ảnh, văn hoá vui chơi giải trí, quảng cáo thương mại và dịch vụ rộng rãi trên toàn thế giới.

Ngày nay, tại sân bay quốc tế ở thủ đô Hàn Quốc, các du khách nước ngoài được tận hưởng không gian văn hoá xứ sở Kim chi qua những tiết mục âm nhạc và vũ đạo truyền thống biểu diễn tại chỗ, kết hợp với hoạt động mua bán tấp nập trong các trung tâm thương mại của cảng hàng không rộng lớn với hàng chục ngàn lượt du khách qua lại mỗi ngày. Trong thời kỳ đổi mới, tại Việt Nam, ở Văn miếu - Quốc Tử giám cũng có nhiều hoạt động nghệ thuật dân gian và trình bày nhiều đồ lưu niệm cho du khách trong nước và quốc tế về “cuốn sách bằng đá khổng lồ”, với 82 bìa tiền sử của hàng ngàn năm lịch sử văn chương khoa cử Việt Nam thời phong kiến. Tuy nhiên, để bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá một cách hiệu quả, chúng ta cần phải nhận diện những kinh nghiệm thành công của các quốc gia “đồng văn” trong khu vực châu Á Thái Bình Dương mà tiêu biểu là Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, nhằm mục đích thực hiện tiến trình giao lưu hội nhập ngày càng sâu rộng trong xã hội hiện đại, phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc./

N.T.T

Chú thích

- 1, 2, 3, 5- Hoàng Vinh (1997), *Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hoá dân tộc*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, Tr. 127; Tr. 133; Tr. 131; Tr. 128.
4. Xem Trịnh Tây (2012), *Dân tộc và tôn giáo Trung Quốc*, Nxb. Truyền bá Ngũ Châu Trung Quốc và Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam, Tr. 29.